

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍ 9

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian phát đề)

Đề thi này có 02 trang

Câu 1: (3,0 điểm)

Nước ta có bao nhiêu dân tộc ? Trình bày đặc điểm và tình hình phân bố của các dân tộc ở nước ta.

Câu 2. (4,0 điểm)

Tại sao nói giải quyết việc làm là vấn đề cấp bách nhất hiện nay ? Nêu một số giải pháp thực hiện giải quyết việc làm ở nước ta. vì sao tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta còn cao?

Câu 3.(4,0 điểm).

Ngày 31/12/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2018: Diện tích đất có rừng toàn quốc là 14.491.295 ha; trong đó: rừng tự nhiên 10.255.525 ha, rừng trồng 4.235.770 ha. Em hãy:

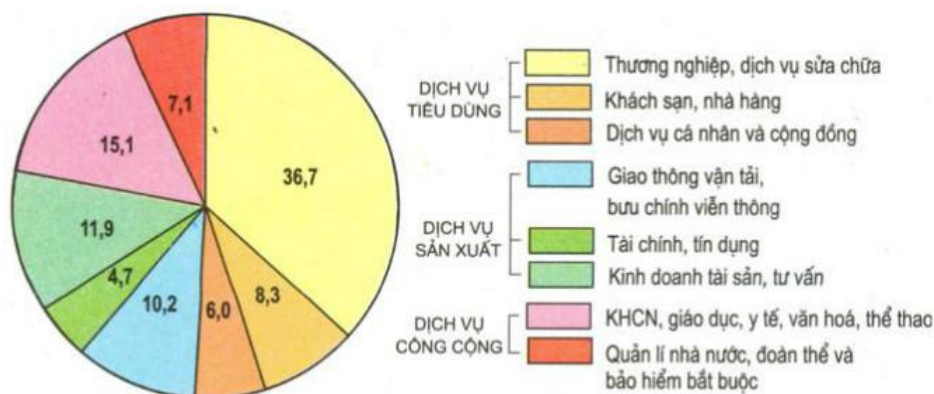
a) Trình bày về tài nguyên rừng ở nước ta và sự phân bố. Việc trồng rừng đem lại lợi ích gì ? Tại sao chúng ta vừa khai thác lại vừa trồng và bảo vệ rừng.

b) Nêu ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 4. (4,5 điểm)

a) Dựa vào hình 13.1, hãy nêu cơ cấu ngành dịch vụ. Tại sao các hoạt động dịch vụ ở nước ta phân bố không đều ?

b) Bằng hiểu biết và kiến thức đã học chứng minh rằng nền kinh tế càng phát triển thì các hoạt động dịch vụ càng trở nên đa dạng.



Hình 13.1. Biểu đồ cơ cấu GDP của các ngành dịch vụ, năm 2002 (%)

Câu 5. (4,5 điểm).

Cho bảng số liệu sau: (Đơn vị tính %)

Năm	1990	1995	2000	2002
Chỉ số tăng trưởng đàn Trâu	100,0	103,8	101,5	98,6
Chỉ số tăng trưởng đàn Bò	100,0	116,7	132,4	130,4
Chỉ số tăng trưởng đàn Lợn	100,0	133,0	164,7	189,0
Chỉ số tăng trưởng đàn gia cầm	100,0	132,3	182,6	217,2

Hãy vẽ biểu đồ đường biểu diễn thể hiện chỉ số tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm qua các năm 1990, 1995, 2000 và 2002 và nêu nhận xét.

----- Hết -----

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ ký của Cán bộ coi thi 1:; Chữ ký của Cán bộ coi thi 2:

Môn: ĐỊA LÍ 9

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Hướng dẫn chấm này có 05 trang

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1 (3,0đ)	*Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam. Nước ta có 54 dân tộc, người Việt(Kinh) chiếm đa số, chiếm 86% dân số cả nước. Mỗi dân tộc có đặc trưng về văn hóa, thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán,...làm cho nền văn hóa Việt Nam thêm phong phú, giàu bản sắc. Người Việt định cư ở nước ngoài cũng là một bộ phận của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. *Tình hình phân bố của các dân tộc ở nước ta. - Người Việt(Kinh) phân bố rộng khắp trên cả nước, tập trung ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển. - Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du. + Trung du và miền núi phía bắc: là địa bàn cư trú đan xen của trên 30 dân tộc bao gồm: tày, thái, Mường, Mông,.... + Trường Sơn-Tây Nguyên: cư trú của trên 20 dân tộc ít người, các dân tộc cư trú thành vùng khá rõ rệt bao gồm: Ê-đê, Gia-Rai, Cơ-ho,... + Duyên hải cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ: có các dân tộc Chăm, Hoa, Khơ-me cư trú thành từng dãy hoặc xen kẽ. Người Hoa tập trung ở các đô thị.	1.0 0,5 0,5 2.0 0,5 0,5 0,5
2 (4,0đ)	*Giải quyết việc làm là vấn đề cấp bách nhất hiện nay là do : - Nguồn lao động nước ta dồi dào trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển -Nên đã tạo nên sức ép rất lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm ở nước ta hiện nay. *Các giải pháp chủ yếu để giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta	1.0 0,5 0,5 2.0

	hiện nay - Phân bố lại dân cư và nguồn lao động giữa các vùng. -Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản. - Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh tế ở nông thôn (đẩy mạnh phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống.....) - Phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị . *Tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta còn cao - Thiếu việc làm: do hoạt động nông nghiệp mang tính chất mùa vụ, hoạt động kinh tế nông thôn thiếu tính đa dạng. - Thất nghiệp ở đô thị là do: tốc độ đô thị hóa cao trong khi công nghiệp, dịch vụ chưa đáp ứng, di dân từ nông thôn ra thành thị.	0,5 0,5 0,5 0,5 1.0 0,5 0,5
3 (4,0đ)	3.a/ *Đặc điểm tài nguyên rừng ở nước ta. - Tài nguyên rừng của nước ta hiện nay đã bị cạn kiệt và suy giảm nghiêm trọng ở nhiều nơi. - Độ che phủ rừng toàn quốc là 35%. Trong điều kiện nước ta $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi thì tỉ lệ này vẫn còn thấp. Tổng diện tích rừng nước ta có gần 11,6 triệu ha. *Sự phân bố các loại rừng : - Rừng sản xuất ở vùng núi thấp và trung bình. - Rừng phòng hộ phân bố ở núi cao, ven biển. - Rừng đặc dụng phân bố ở môi trường tiêu biểu của các hệ sinh thái. *Lợi ích của việc trồng rừng : - Bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ các giống loài quý hiếm. - Phòng chống thiên tai, bảo vệ đất, chống xói mòn. - Cung cấp nguyên liệu chế biến cho công nghiệp và xuất khẩu * Việc khai thác phải đi đôi với bảo vệ rừng : - Rừng là tài nguyên quý giá, khai thác phải hợp lí. - Bảo vệ rừng đi đôi với tái tạo tài nguyên rừng. 3.b/ Ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông –	0.5 0,25 0,25 1.5 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 2.0 0,5 0,5

	lâm kết hợp ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. - Mang lại nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng , tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân. - Góp phần phủ xanh đất trống , đồi núi trọc, hạn chế thiên tai lũ lụt, sạt lở, xói mòn đất... - Bảo vệ nguồn nước ngầm, điều hòa khí hậu, cân bằng môi trường sinh thái. -Điều tiết nguồn nước ở các hồ thủy điện, thủy lợi.	0,5 0,5
4 (4,5đ)	* cơ cấu ngành dịch vụ : - Dịch vụ tiêu dùng: + Thương nghiệp, dịch vụ sửa chữa. + Khách sạn, nhà hàng. + Dịch vụ cá nhân và cộng đồng. - Dịch vụ sản xuất: + GTVT, bưu chính viễn thông. + Tài chính, tín dụng. + Kinh doanh tài sản, tư vấn. - Dịch vụ công cộng: + KHCN, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. + Quản lí nhà nước, đoàn thể và bảo hiểm bắt buộc. *Các hoạt động dịch vụ ở nước ta phân bố không đều là do : - Dân cư phân bố không đều. - Các hoạt động dịch vụ ở nước ta còn nghèo nàn. - Phần lớn chỉ tập trung ở các khu vực đông dân cư hoặc ở các thành phố lớn có nhiều ngành sản xuất và kinh tế phát triển. 3b./ Chứng minh nền kinh tế càng phát triển thì các hoạt động dịch vụ càng trở nên đa dạng : • Việc đầu tư xây dựng bệnh viện, trường học... Đã làm phát triển dịch vụ công cộng. • Phát triển khách sạn, nhà hàng...Thúc đẩy phát triển dịch vụ tiêu dùng. • Việc đầu tư xây dựng giao thông vận tải , phát triển ngành bưu chính viễn thông... Thúc đẩy phát triển dịch vụ sản xuất.	1.5 0,5 0,5 0,5 1.5 0,5 0,5 0,5 0,5 1.5 0,5 0,5

5 (4,5đ)	- Vẽ biểu đồ đường biểu diễn thể hiện chỉ số tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm qua các năm 1990, 1995, 2000, 2002. Yêu cầu chính xác, sạch đẹp, số liệu và tên biểu đồ đầy đủ.	2.5
	- Nêu nhận xét:	2.0
	- Thời kì 1990-2000, số lượng đàn gia súc, gia cầm của nước ta đều tăng nhưng tốc độ tăng khác nhau.	0,5
	-Đàn gia cầm có tốc độ tăng nhanh nhất (năm 2002 tăng 117,2% so với 1990) , kể đó là đàn lợn (năm 2002 tăng 89,0% so với 1990)	0,5
	-Đàn bò năm 2002 tăng 30,4% so với 1990.	0,5
	-Đàn trâu có xu hướng giảm.	

-----**HẾT**-----

